

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 24
Phụ lục 1: Tình hình tăng/ giảm các khoản đầu tư bị giảm giá	25
Phụ lục 2: Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước	26

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI
Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 và các quyết định điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp:

<u>Quyết định số</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
50/UBCK-GP	12/08/2009	Tăng vốn điều lệ
168/QĐ-UBCK	15/03/2010	Lập văn phòng đại diện tại TP.Hồ Chí Minh
724/QĐ-UBCK	03/10/2011	Thay đổi, bổ sung về địa chỉ Văn phòng đại diện của Công ty
16/GPĐC-UBCK	03/10/2011	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật
37/GPĐC-UBCK	19/12/2013	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
02/GPĐC-UBCK	13/01/2014	Tăng vốn điều lệ
15/GPĐC-UBCK	23/10/2014	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521, đường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Petroland (nay là Tòa nhà SCIC), 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng Việt Nam).

Cơ cấu sở hữu của cổ đông:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Giá trị VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>
Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn	1.350.000.000	2,25
Ông Đặng Thành Tâm	2.060.000.000	3,43
Ông Trần Hữu Hồng Trường	9.610.000.000	16,02
Ông Trần Ngọc Diệp	32.030.000.000	53,39
Ông Lê Chí Phúc	5.000.000.000	8,33
Ông Vũ Quang Thịnh	4.950.000.000	8,25
Bà Ngô Thị Minh Tuyền	5.000.000.000	8,33
Cộng	60.000.000.000	100,00

Tổng số nhân viên tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>người</u>	<u>người</u>
Tổng số nhân viên	17	23
Trong đó: nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán	11	07

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Hoàng Lân	Chủ tịch	05/04/2011
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	05/04/2011
Ông Lê Chí Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	05/04/2011

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Phúc	Tổng Giám đốc	06/09/2013

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận, sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Công bố các Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số: 85/2016/BCKT-HCM.00617

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến khoản lỗ lũy kế tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000 VND	60.000.000.000 VND
Khoản lỗ chưa phân phối	27.095.631.617 VND	28.543.162.106 VND
Chiếm tỷ lệ trên vốn đầu tư chủ sở hữu	45,16%	47,57%

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư SGI cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 3 năm 2015 và nhấn mạnh khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 28.543.162.106 VND chiếm tỷ lệ 47,57% vốn đầu tư chủ sở hữu.



BÙI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.126.180.371	35.761.375.735
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	32.486.113.387	5.655.008.796
Tiền	111		32.486.113.387	5.655.008.796
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	1.529.729	29.763.122.021
Đầu tư ngắn hạn	121		1.689.843	30.076.971.516
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(160.114)	(313.849.495)
Các khoản phải thu	130		513.599.774	143.717.385
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	4.3	513.599.774	89.186.616
Các khoản phải thu khác	135		-	54.530.769
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		124.937.481	199.527.533
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	59.284.041	150.372.821
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	65.653.440	49.154.712
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		463.046.932	330.962.660
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	-	-
Nguyên giá	222		288.985.351	288.985.351
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.985.351)	(288.985.351)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	-	-
Nguyên giá	228		111.622.819	111.622.819
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.622.819)	(111.622.819)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		463.046.932	330.962.660
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	160.173.252	27.136.660
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.9	302.873.680	303.826.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.589.227.303	36.092.338.395

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		684.858.920	4.635.500.501
Nợ ngắn hạn	310		119.224.982	4.635.500.501
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.10	22.224.982	11.405.324
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.11	97.000.000	4.563.339.622
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	60.755.555
Nợ dài hạn	330		565.633.938	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337	4.12	565.633.938	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.904.368.383	31.456.837.894
Vốn chủ sở hữu	410	4.13	32.904.368.383	31.456.837.894
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(27.095.631.617)	(28.543.162.106)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.589.227.303	36.092.338.395

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thuê ngoài	001	-	-
Vật tự, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Tài sản nhận ký cược	003	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005 4.1	-	-
- USD		1.000,00	1.000,00
- EUR		285,00	285,00
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	910.000	22.888.140.000
Trong đó:			
- Chứng khoán giao dịch	007	810.000	15.888.040.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008	100.000	100.000
- Chứng khoán cầm cố	009	-	-
- Chứng khoán tạm giữ	010	-	-
- Chứng khoán chờ thanh toán	011	-	-
- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012	-	-
- Chứng khoán chờ giao dịch	013	-	7.000.000.000
- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014	-	-
- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	62.823.591.722	2.988.654.746
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031 4.14.1	62.823.591.722	2.988.654.746
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	-	-
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	322.000.289.938	61.225.514.775
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041 4.14.2	322.000.289.938	61.225.514.775
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	-	-
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050 4.14.3	-	324.717.480.102
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051 4.14.4	529.699.781	2.265.241.993

CAO THỊ KIM NHÂN
Người lập biểu

HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	01		2.927.804.534	2.924.606.456
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	2.927.804.534	2.924.606.456
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp	20		2.927.804.534	2.924.606.456
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	7.606.458.003	7.961.109.445
Chi phí tài chính	22	5.3	912.315.938	946.304.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	7.862.556.560	8.894.885.464
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.759.390.039	1.044.525.774
Thu nhập khác	31	5.5	-	681.818.182
Chi phí khác	32	5.6	311.859.550	382.330.667
Lợi nhuận khác	40		(311.859.550)	299.487.515
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.447.530.489	1.344.013.289
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.447.530.489	1.344.013.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	241	224



CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu



HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	98.629.836.821	47.539.299.042
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(67.398.007.575)	(76.969.005.400)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.601.334.606)	(4.940.089.159)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.441.849.293	23.728.389.432
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(21.390.279.725)	(1.917.180.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.682.064.208	(12.558.586.187)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	681.818.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.148.638.587	1.346.242.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.148.638.587	2.028.061.102
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	26.830.702.795	(10.530.525.085)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.655.008.796	16.185.876.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	401.796	(342.146)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	32.486.113.387	5.655.008.796


CAO THỊ KIM NHÂN
Người lập biểu


HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng


LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2014	01/01/2015	2014		2015		31/12/2014	31/12/2015
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000					60.000.000.000	60.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(29.887.175.395)	(28.543.162.106)	1.344.013.289		1.447.530.489		(28.543.162.106)	(27.095.631.617)
CỘNG	30.112.824.605	31.456.837.894	1.344.013.289	-	1.447.530.489	-	31.456.837.894	32.904.368.383

CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu

HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 và các quyết định điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp:

<u>Quyết định số</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
50/UBCK-GP	12/08/2009	Tăng vốn điều lệ
168/QĐ-UBCK	15/03/2010	Lập văn phòng đại diện tại TP.Hồ Chí Minh
724/QĐ-UBCK	03/10/2011	Thay đổi, bổ sung về địa chỉ Văn phòng đại diện của Công ty
16/GPĐC-UBCK	03/10/2011	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật
37/GPĐC-UBCK	19/12/2013	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
02/GPĐC-UBCK	13/01/2014	Tăng vốn điều lệ
15/GPĐC-UBCK	23/10/2014	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521, đường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Petroland (nay là Tòa nhà SCIC), 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Tổng số nhân viên tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2015	31/12/2014
Tổng số nhân viên	17 người	23 người
Trong đó: nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán	11 người	07 người

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo:

- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định 15/2006/QĐ-BTC;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, nhưng không điều chỉnh hay thay thế Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011. Hiện nay Công ty vẫn đang trình bày Báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 125/2011/TT-BTC và sẽ thay đổi việc trình bày Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể thay thế cho Thông tư 125/2011/TT-BTC.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua tiền mặt do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh công bố vào ngày này (Tỷ giá 31/12/2015: 22.430 VND/USD và 24.293 VND/EUR).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán;
- Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán đăng ký giao dịch tại UPCom;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá 1 tháng tính đến thời điểm trích lập dự phòng theo báo giá của 3 công ty chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hay bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị quản lý

03 năm

3.7 Tài sản cố định vô hình

Bản quyền phần mềm được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

3.8 Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc của Công ty được áp dụng cho các nhân sự đã làm việc tại công ty trên 12 tháng (tính cả thời gian thử việc). Cứ mỗi 12 tháng làm việc cho Công ty, người lao động sẽ được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng lương thực nhận hàng tháng. Nếu số tháng làm việc không chia hết cho 12, số tháng dư sau khi chia cho 12 sẽ được làm tròn như sau: dưới 6 tháng sẽ làm tròn là 0 tháng và trên 6 tháng sẽ làm tròn là 12 tháng. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo Quy chế lương của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua tại Quyết định số 6611/QĐ/SGIC-HĐQT/2011 ngày 04 tháng 11 năm 2011.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi thu nhập phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	25.618.393	5.472.038
Tiền mặt tồn quỹ - ngoại tệ	29.353.505	28.951.709
Tiền gửi ngân hàng - VND	32.431.141.489	5.620.585.049
	32.486.113.387	5.655.008.796

Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
USD	1.000,00	22.430.000
EUR	285,00	6.923.505
		29.353.505

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Cổ phiếu niêm yết		
• Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	609.914	4.513.089.495
• Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	1.079.929	25.563.882.021
	1.689.843	30.076.971.516
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(160.114)	(313.849.495)
	1.529.729	29.763.122.021

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá – xem Phụ lục 1 trang 25.

4.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	214.529.824	89.186.616
Phải thu phí thưởng hợp đồng	299.069.950	-
	513.599.774	89.186.616

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	59.284.041	113.163.221
Chi phí chờ phân bổ khác	-	37.209.600
	59.284.041	150.372.821

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	65.653.440	49.154.712
	65.653.440	49.154.712

4.6 Tài sản cố định hữu hình

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thiết bị quản lý		
• Nguyên giá	288.985.351	288.985.351
• Khấu hao lũy kế	(288.985.351)	(288.985.351)
• Giá trị còn lại	-	-
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	121.926.998	121.926.998
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý	167.058.353	167.058.353

Trong năm 2015, không có tăng/(giảm) tài sản cố định hữu hình.

4.7 Tài sản cố định vô hình

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phần mềm máy tính		
• Nguyên giá	111.622.819	111.622.819
• Khấu hao lũy kế	(111.622.819)	(111.622.819)
• Giá trị còn lại	-	-
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý	111.622.819	111.622.819

Trong năm 2015, không có tăng/(giảm) tài sản cố định vô hình.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.137.227	27.136.660
Chi phí bảo hiểm	74.036.025	-
	160.173.252	27.136.660

4.9 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ký quỹ - thuê văn phòng	292.873.680	293.826.000
Ký quỹ - thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
	302.873.680	303.826.000

4.10 Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	22.224.982	11.405.324
	22.224.982	11.405.324

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.11 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ứng trước phí thưởng quản lý danh mục	-	2.717.480.102
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	1.733.000.000
Phải trả khác	97.000.000	112.859.520
	97.000.000	4.563.339.622

4.12 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm các năm trước	308.359.550	
Dự phòng trợ cấp mất việc làm năm 2015	257.274.388	-
	565.633.938	-

4.13 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 01 năm 2014 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp:

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND.
- Vốn góp thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 60.000.000.000 VND.

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	2,25	1.350.000.000	2,25	1.350.000.000
Ông Đặng Thành Tâm	3,43	2.060.000.000	3,43	2.060.000.000
Ông Trần Hữu Hồng Trương	16,02	9.610.000.000	16,02	9.610.000.000
Ông Trần Ngọc Diệp	53,39	32.030.000.000	53,39	32.030.000.000
Ông Vũ Quang Thịnh	8,25	4.950.000.000	8,25	4.950.000.000
Ông Lê Chí Phúc	8,33	5.000.000.000	8,33	5.000.000.000
Bà Ngô Thị Minh Tuyền	8,33	5.000.000.000	8,33	5.000.000.000
	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000

4.14 Chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

4.14.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	2015 VND	2014 VND
Số đầu năm	2.988.654.746	2.217.806.100
Số tăng trong năm	182.273.617.876	494.173.770.450
Trong đó:		
Ủy thác đầu tư	-	350.574.952.343
Lãi trái phiếu	1.905.534.247	-
Bán chứng khoán	177.525.318.466	140.894.023.679
Cổ tức	30.115	2.566.382.345
Lãi tiền gửi	123.537.446	138.412.083
Khác	2.719.197.602	-
Số giảm trong năm	(122.438.680.900)	(493.402.921.804)
Trong đó:		
Mua chứng khoán	(106.751.597.058)	(459.346.257.347)
Phí QLDM	(1.993.938.179)	(1.016.369.651)
Phí thưởng	-	(1.448.757.360)
Phí giao dịch	(499.792.100)	(5.740.869.839)
Rút vốn ủy thác	(10.378.225.390)	(23.915.944.857)
Khác	(2.815.128.173)	(1.934.722.750)
Số dư cuối năm	62.823.591.722	2.988.654.746

4.14.2 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước – xem Phụ lục 02 trang 26.

4.14.3 Các khoản phải thu nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tiền ứng trước tiền thưởng quản lý danh mục	-	2.717.480.102
Phải thu tiền đặt cọc mua trái phiếu	-	322.000.000.000
	-	324.717.480.102

4.14.4 Các khoản phải trả nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	2.163.107.705
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	214.529.824	89.186.616
Phải trả phí thưởng hợp đồng	299.069.950	-
Phải trả phí ngân hàng lưu ký	16.100.007	12.947.672
	529.699.781	2.265.241.993

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	2.448.771.330	1.475.849.096
Doanh thu từ phí thường hoạt động	299.069.950	1.448.757.360
Doanh thu hoạt động tư vấn	179.963.254	-
	2.927.804.534	2.924.606.456

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	65.548.411	48.356.220
Lãi đầu tư tài chính	6.457.417.620	6.614.881.525
Cổ tức, lợi nhuận được chia	945.312.400	1.297.871.700
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	401.796	-
Doanh thu tài chính khác	137.777.776	-
	7.606.458.003	7.961.109.445

5.3 Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.075.809.320	358.114.360
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(313.689.381)	312.987.213
Chi phí tài chính khác	150.195.999	275.203.090
	912.315.938	946.304.663

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	5.273.010.258	5.543.996.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.323.588	494.594.285
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	176.269.333
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	257.274.388	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.067.548.604	2.565.129.240
Các chi phí khác	71.399.722	111.895.632
	7.862.556.560	8.894.885.464

5.5 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thanh lý TSCĐ	-	681.818.182
	-	681.818.182

5.6 Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Thanh lý TSCĐ	-	382.330.667
Dự phòng trợ cấp mất việc làm các năm trước	308.359.550	-
Các chi phí khác	3.500.000	-
	311.859.550	382.330.667

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.447.530.489	1.344.013.289
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm		
- Chi phí không được khấu trừ	630.895.825	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(945.312.400)	(1.297.871.700)
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	(401.796)	-
Thu nhập chịu thuế	1.132.712.118	46.141.589
Chuyển lỗ các năm trước	(1.132.712.118)	(46.141.589)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ tính thuế này được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.447.530.489	1.344.013.289
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.447.530.489	1.344.013.289
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	241	224

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

6.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá thị trường.

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2015		31/12/2014		31/12/2015	31/12/2014
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.486.180.127	-	5.655.008.796	-	32.486.180.127	5.655.008.796
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.689.843	160.114	30.076.971.516	313.849.495	1.529.729	29.763.122.021
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	513.599.774	-	89.186.616	-	513.599.774	89.186.616
Các khoản phải thu khác	-	-	54.530.769	-	-	54.530.769
Tổng cộng	33.001.469.744	160.114	35.875.697.697	313.849.495	33.001.309.630	35.561.848.202
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.000.000	-	4.563.339.622	-	97.000.000	4.563.339.622
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	60.755.555	-	-	60.755.555
Tổng cộng	97.000.000	-	4.624.095.177	-	97.000.000	4.624.095.177

6.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.000.000	-	97.000.000
	97.000.000	-	97.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.563.339.622	-	4.563.339.622
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	60.755.555	-	60.755.555
	4.624.095.177	-	4.624.095.177

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá. Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính giảm giá trị tại thời điểm kết thúc năm tài chính này như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Quá hạn VND	Giảm giá VND
Tài sản tài chính			
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.689.843	-	(160.114)

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Tiền lương và các khoản tính theo lương (lương gộp) của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.129.000.000	1.036.500.000

7.2 Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là số liệu căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 15-2-0012/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM ngày 20 tháng 03 năm 2015 do Công ty Kiểm toán & Kế toán Hà Nội – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh phát hành và được trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp tính chất.

	Thuyết minh	Số liệu sau khi điều chỉnh VND	Số liệu trước khi điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01 (*)	47.539.299.042	64.821.818.940	(17.282.519.898)
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02 (*)	(76.969.005.400)	(60.728.483.456)	(16.240.521.944)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06 (*)	23.728.389.432	12.069.566.714	11.658.822.718
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07 (*)	(1.917.180.102)	(23.781.399.226)	21.864.219.124
Thuyết minh báo cáo tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	6.1 & 6.2	-	11.405.324	(11.405.324)
(thuế thu nhập cá nhân)				

(*) Trình bày lại các khoản thu, chi theo bản chất nghiệp vụ.



CAO THỊ KIM NHÀN
 Người lập biểu



HỒNG NGUYỆT MINH
 Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
 Tổng Giám đốc
 Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Phụ lục 1: Tình hình tăng/ giảm các khoản đầu tư bị giảm giá

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Giá trị đầu tư				So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá trị thị trường	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Số lượng	VND	Số lượng	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết										
HAG	-	-	190.000	4.512.759.000	-	-	-	(313.759.000)	-	4.199.000.000
HVG	17	279.419	-	-	-	(55.019)	-	-	224.400	-
PVF	10	111.167	10	111.167	-	(69.167)	-	(69.167)	42.000	42.000
STB	14	219.328	11	219.328	-	(35.928)	-	(21.328)	183.400	198.000
CỘNG	41	609.914	190.021	4.513.089.495	-	(160.114)	-	(313.849.495)	449.800	4.199.240.000



CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu



HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng



LÊ CHI PHÚC
Tổng Giám đốc
Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

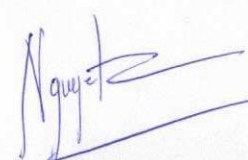
Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Phụ lục 2: Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác trong nước

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng/ (giảm) VND	Số lượng	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng/ (giảm) VND
Cổ phiếu niêm yết								
CVT	-	-	-	-	25	235.000	592.500	357.500
HAG	-	-	-	-	595.030	13.429.726.427	13.150.163.000	(279.563.427)
HDC	5	57.200	69.500	12.300	4	57.200	58.800	1.600
HSG	2	86.600	63.000	(23.600)	2	86.600	95.000	8.400
HUT	-	-	-	-	594.200	6.835.917.443	8.437.640.000	1.601.722.557
KBC	21.466.667	322.000.000.000	281.213.337.700	(40.786.662.300)	-	-	-	-
MBB	7	105.538	102.200	(3.338)	2.970.003	40.423.959.470	38.907.039.300	(1.516.920.170)
TCM	2	40.600	61.600	21.000	2	40.600	64.000	23.400
VND	-	-	-	-	45.700	535.492.035	575.820.000	40.327.965
CỘNG	21.466.683	322.000.289.938	281.213.634.000	(40.786.655.938)	4.204.966	61.225.514.775	61.071.472.600	(154.042.175)


CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu


HỒNG NGUYỆT MINH
Kế toán trưởng


LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc
Thành phố Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016